

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 84/2023/HS-PT
Ngày: 04 - 12 -2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2023/TLPT-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo **Đặng Thị Ngọc P** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2023/HS-ST ngày 13-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo có kháng cáo: **Đặng Thị Ngọc P**, sinh năm: 1995 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: **Số B, khu phố B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: tiếp viên; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông **Đặng Văn N** và bà **Đặng Thị Ngọc T**; chồng: **Nguyễn Phúc D**; có 01 người con sinh năm: 2018; tiền án: có 01 tiền án. Tại Bản án số 65/2021/HS-ST ngày 12/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/7/2022; tiền sự: không; Bị tạm giam từ ngày 20/6/2023 đến nay; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo **Hà Công S**, **Nguyễn Vũ B** nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khoảng 10 giờ ngày 28/01/2023, **Hà Công S** rủ **Võ Minh Đ**, đi mua ma túy thì **Đ** đồng ý. Sau đó, **Đ** điều khiển xe mô tô biển số 71B3-592.61 của **S** đi từ nhà T thuộc ấp H, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre đến khu vực cổng chào **xã L, huyện B, tỉnh Bến Tre** thì **Đ** xuống xe và đứng đợi, **S** điều khiển xe

đến gặp **Nguyễn Nhật T1**, SN: 1989 (tên thường gọi **K**), ngụ ấp L, xã L, huyện B, tỉnh **Bến Tre** để mua ma túy với số tiền 1.100.000đồng. Khi mua được ma túy, **S** điều khiển xe mô tô đến nơi **Đ** đang đợi và chở **Đ** về phòng trọ số 12, Nhà trọ **Ngọc S1**. Tại đây, **S**, **Đ** gặp **Nguyễn Vũ B** đến chơi. Sử rử **B**, **Đ** sử dụng ma túy thì được cả hai đồng ý. Lúc này, **B** lấy chai nhựa và ống thủy tinh đã mua trước đó để làm bộ dụng cụ sử dụng ma túy, **S** lấy một ít ma túy để vào nỏ thủy tinh, số ma túy còn lại **S** chia làm hai túi nhỏ cất giấu trong hộp nhựa màu trắng-xanh có chữ “Ceng Fui Yen” để tại nơi đang ngồi sử dụng. Khi **S**, **B**, **Đ** đang sử dụng ma túy thì **Đặng Thị Ngọc P** (**P** và **S** cùng nhau thuê phòng trọ số 12 để cùng sống chung như vợ chồng) đang nấu ăn ở khu vực bếp và biết rõ việc **S**, **B**, **Đ** đang sử dụng ma túy nhưng **P** không ngăn cản mà vẫn tạo điều kiện cho cả ba tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy. Sử dụng ma túy xong, **S** đem hộp nhựa màu trắng-xanh có chữ “Ceng Fui Yen” bên trong chứa ma túy lên gác trong phòng trọ, để trên bàn trang điểm của **P** (**P** không biết **S** cất giấu ma túy trong hộp), bình dùng sử dụng ma túy **S** để gần khu vực kệ chén rồi cả ba cùng đi chơi bida. Lúc này, **P** thấy trong nỏ thủy tinh của bình sử dụng ma túy vẫn còn ma túy nên **P** dùng bật lửa đốt nóng lên sử dụng, sau đó **P** để bình ma túy tại vị trí cũ. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, **S**, **Đ**, **B** trở lại phòng trọ số 12, **S** kêu **B** đến khu vực kệ để chén lấy bình sử dụng ma túy để cả ba tiếp tục sử dụng, **Đ** sử dụng ma túy được một lúc thì ra về. Khoảng 23 giờ cùng ngày, **Đ** trở lại phòng trọ số 12 thì nhìn thấy có người lạ đứng bên ngoài khu vực nhà trọ nên nói với **S**, nghi là lực lượng công an nên **S** vào phòng trọ lấy dụng cụ sử dụng ma túy bỏ vào túi nylon màu đen giấu ở khu vực rửa chén, hai túi ma túy đựng trong hộp nhựa **S** đem giấu trong chậu nhựa màu đỏ trước cửa phòng trọ. Lúc này, lực lượng công an tiến hành kiểm tra hành chính thì phát hiện, bắt quả tang **S** tàng trữ trái phép chất ma túy. Tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với **Hà Công S**, **Đặng Thị Ngọc P**, **Nguyễn Vũ B**, **Võ Minh Đ** tại thời điểm bắt quả tang, kết quả cả 04 người đều dương tính với chất ma túy, loại Methamphetamine.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Một xe mô tô kiểu dáng Dream màu đỏ biển số 71B3-592.61. Số máy VKV1P50FMGR303203, số khung: VKVDCG054HG303203.
- Một điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh, số sim 0777896818, số IMEL1: 869644051885692, IMEL2: 869644051885684.
- Tinh thể màu trắng đựng trong 02 túi nylon được niêm phong trong một phong bì có kí hiệu M là chất ma túy.
- Một chai nhựa màu vàng có nắp màu đỏ, trên nắp chai nhựa có hai lỗ tròn và một đoạn ống nhựa màu xanh được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu PS3-200048.
- Một ống thủy tinh trong suốt có một đầu uốn cong hình mỏ vịt, bên trong mỏ vịt có chứa tinh thể màu trắng là chất ma túy được niêm phong trong phong bì có kí hiệu M1.
- Một túi nylon được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khếp và vạch màu xanh bên trong có chứa tinh thể li ti màu trắng là chất ma túy được niêm phong trong phong bì có ký hiệu M2.

- Một vỏ thuốc lá hiệu JET bên trong có một cân điện tử màu đen được niêm phong trong một phong bì có ký hiệu C.

Tại kết luận giám định số 51/2023/KL-KTHS ngày 31/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

- Tinh thể màu trắng đựng trong hai túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu M gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,7616 gam;

- Tinh thể màu trắng ở dạng vết dính trong một ống thủy tinh được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng do mẫu cần giám định tồn tại ở dạng vết;

- Tinh thể màu trắng ở dạng vết dính trong một túi nylon được niêm phong trong phong bì ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng do mẫu cần giám định tồn tại ở dạng vết.

Hoàn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre mẫu vật ký hiệu M sau giám định đã được niêm phong có khối lượng 0,6545 gam. Không hoàn lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre mẫu vật ký hiệu M1, M2 sau giám định do đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2023/HS-ST ngày 13/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Ngọc P phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Ngọc P 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2023.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với Hà Công S, Nguyễn Vũ B, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/4/2023, bị cáo Đặng Thị Ngọc P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo, khai nhận hành vi phù hợp nội dung Bản án sơ thẩm, cho rằng bị cáo cung cấp địa điểm sử dụng ma túy.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đặng Thị Ngọc P phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là phù hợp luật định và xử phạt bị cáo 08 (tám) năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, mức hình phạt 08 năm tù là phù hợp được giữ nguyên. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Đặng Thị Ngọc P phạm

“Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Ngọc P** 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2023. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bị cáo không tranh luận;

Bị cáo nói lời sau cùng: Yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về nuôi con, bị cáo biết sai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo kết hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Khoảng 23 giờ ngày 28/01/2023, tại phòng trọ **số A, Nhà T** do **Hà Công S** và **Đặng Thị Ngọc P** thuê quản lý, sử dụng, thuộc **ấp H xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre**, lực lượng công an kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang **Hà Công S** có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để sử dụng. Quá trình điều tra phát hiện **Hà Công S** có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho nhiều người, cụ thể:

- Lần 1: Vào khoảng 10 giờ ngày 28/01/2023, **Hà Công S** rủ **Võ Minh Đ** đi mua ma túy về phòng trọ **số A, Nhà trọ Ngọc S1** để tổ chức cho **S, Đ, Nguyễn Vũ B** cùng sử dụng. **B** cung cấp bộ dụng cụ sử dụng ma túy, **Đặng Thị Ngọc P** đang nấu ăn ở khu vực bếp biết rõ việc Sử, **B, Đ** đang sử dụng ma túy nhưng **P** không ngăn cản, sau đó **P** cũng một mình sử dụng chất ma túy có trong dụng cụ mà **S, B, Đ** đã sử dụng.

- Lần 2: Khoảng 17 giờ cùng ngày 28/01/2023, sau khi đi chơi bida về, **S, Đ, B** quay trở lại phòng trọ số 12, **Nhà T** để cả ba tiếp tục sử dụng chất ma túy bằng bộ dụng cụ sử dụng ma túy do **B** cung cấp trước đó, lần này **P** biết **S, Đ, B** sử dụng ma túy.

Trong vụ án, **S** giữ vai trò khởi xướng, là người mua ma túy đem về nơi ở để sử dụng và rủ **Đ, B** cùng sử dụng ma túy, **B** làm ra dụng cụ sử dụng ma túy. Bị cáo **P** có vai trò cung cấp địa điểm, tạo điều kiện cho **S, Đ, B** sử dụng trái phép chất ma túy.

Với ý thức, hành vi của **Đặng Thị Ngọc P**, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Đặng Thị Ngọc P** phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo

điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Về tình tiết tăng nặng: Ngày 12/11/2021, bị cáo **Đặng Thị Ngọc P** bị Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, tuyên phạt 01 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” chưa xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm (theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự); Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo (theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự), có bác ruột là ông **Nguyễn Thành Đ1** là Liệt sĩ, đang nuôi con nhỏ (theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Tại phiên tòa phúc thẩm, xét vai trò đồng phạm trong vụ án thì **Hà Công S** là người có vai trò chính, **S** mua ma túy, dùng nơi ở, quản lý, rủ nhiều người cùng sử dụng, bị cáo **P** chỉ dùng nơi ở để cho nhiều người sử dụng ma túy. Mặc dù bị cáo **P** có tiền án liên quan đến ma túy về tội tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng vai trò trong vụ án này thấp hơn **Hà Công S**, khi đó **Hà Công S** và bị cáo **P** sống chung như vợ chồng cùng ở tại phòng trọ **số A**, Nhà trọ **Ngọc S1** và cả hai cùng trả tiền thuê nhà trọ. Hiện bị cáo **P** đang chăm sóc, nuôi dưỡng một người con sinh năm 2018, bị cáo là lao động chính tạo thu nhập để nuôi con (là tình tiết mới), Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo **P** bằng với **Hà Công S** có phần nghiêm khắc. Bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần giảm một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Bị cáo không chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Đặng Thị Ngọc P**; sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đặng Thị Ngọc P** 07 (bảy) năm tù về “Tội tổ chức sử dụng trái

phép chất ma túy”.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **Đặng Thị Ngọc P** không phải chịu.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND H. Châu Thành (3b);
- VKSND H. Châu Thành (1b);
- Công an H. Châu Thành (1b);
- CC THADS H. Châu Thành (1b);
- UBND Phường 6, thành phố Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh